TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN PHÚ NHUẬN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 890/2023/KDTM-ST
Ngày: 26 - 9 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Nguyễn Thị Túy Phượng

2/ Bà Nguyễn Thị Ngọc Mỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 519/2022/TLST-KDTM ngày 07/7/2022 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 172/2023/QĐXXST-KDTM ngày 07 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 140/2023/QĐST-KDTM ngày 29 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty CP V.

Trụ sở: Lô H, khu công nghiệp Đ, phường Đ, thị xã D, tỉnh Hà Nam.

Người đại diện ủy quyền: Ông Dương Minh D, sinh năm 1976 (có đơn yêu cầu vắng mặt).

Nơi cư trú: Số E Ngõ E phố Đ, phường C, quận B, Thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Công ty TNHH V1 (tên cũ Công ty TNHH MTV V2).

Trụ sở: 185 đường H, Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoành T, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Nơi cư trú: 49/14/3 Đường số E, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/6/2022 của nguyên đơn Công ty CP V và quá trình giải quyết vụ án, ông Dương Minh D là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 14/3/2017, Công ty CP V (sau đây gọi tắt là Công ty V) và Công ty TNHH V1 (tên cũ Công ty TNHH MTV V2) (sau đây gọi tắt là Công ty V1) ký Hợp đồng mua bán số: 01/HĐ/CIIE&C. Nội dung Công ty V bán cho Công ty V1 vật liệu bấc thấm, vải địa kỹ thuật các loại phục vụ thi công cho các công trình. Hàng hóa, số lượng và đơn giá theo từng đơn đặt hàng của Công ty V1 được Công ty V xác nhận.

Ngày 06/6/2018, Công ty V và Công ty V1 ký Phụ lục số 01 thuộc Hợp đồng mua bán số: 01/HĐ/CIIE&C, thay đổi Điều 3.2 về phương thức thanh toán của hợp đồng mua bán. Hai bên thực hiện theo đúng thỏa thuận của hợp đồng và phụ lục trên, tổng giá trị hàng hóa Công ty V đã bán cho Công ty SG căn cứ vào các Biên bản giao nhận hàng hóa và Hóa đơn giá trị gia tăng, cụ thể:

1/ Biên bản giao nhận hàng hóa và Hóa đơn giá trị gia tăng số 0014182 ngày 17/8/2017, thành tiền: 234.592.050 đồng;

2/ Biên bản giao nhận hàng hóa và Hóa đơn giá trị gia tăng số 0014373 ngày 20/9/2017, thành tiền: 160.930.000 đồng;

3/ Biên bản giao nhận hàng hóa và Hóa đơn giá trị gia tăng số 0014378 ngày 26/9/2017, thành tiền: 175.330.100 đồng;

4/ Biên bản giao nhận hàng hóa và Hóa đơn giá trị gia tăng số 0014381 ngày 28/9/2017, thành tiền: 107.261.000 đồng;

5/ Biên bản giao nhận hàng hóa và Hóa đơn giá trị gia tăng số 0014706 ngày 09/10/2017, thành tiền: 124.673.500 đồng;

6/ Biên bản giao nhận hàng hóa và Hóa đơn giá trị gia tăng số 0014748 ngày 09/11/2017, thành tiền: 199.199.000 đồng;

7/ Biên bản giao nhận hàng hóa và Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001722 ngày 07/4/2018, thành tiền: 171.174.000 đồng;

8/ Biên bản giao nhận hàng hóa và Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001739 ngày 20/4/2018, thành tiền: 93.170.000 đồng;

9/ Biên bản giao nhận hàng hóa và Hóa đơn giá trị gia tăng số 0002076 ngày 17/5/2018, thành tiền: 123.238.500 đồng;

10/ Biên bản giao nhận hàng hóa và Hóa đơn giá trị gia tăng số 0002077 ngày 17/5/2018, thành tiền 80.888.500 đồng;

11/ Biên bản giao nhận hàng hóa và Hóa đơn giá trị gia tăng số 0002081 ngày 19/5/2018, thành tiền: 79.432.200 đồng;

12/ Biên bản giao nhận hàng hóa và Hóa đơn giá trị gia tăng số 0002411 ngày 12/6/2018, thành tiền: 62.920.000 đồng;

13/ Biên bản giao nhận hàng hóa và Hóa đơn giá trị gia tăng số 0002412 ngày 12/6/2018, thành tiền: 148.047.900 đồng;

14/ Biên bản giao nhận hàng hóa và Hóa đơn giá trị gia tăng số 0002420 ngày 18/6/2018, thành tiền: 149.072.000 đồng;

15/ Biên bản giao nhận hàng hóa và Hóa đơn giá trị gia tăng số 0002431 ngày 27/6/2018, thành tiền: 93.170.000 đồng;

16/ Biên bản giao nhận hàng hóa và Hóa đơn giá trị gia tăng số 0002444 ngày 03/7/2018, thành tiền: 151.415.000 đồng;

17/ Biên bản giao nhận hàng hóa và Hóa đơn giá trị gia tăng số 0003000 ngày 10/8/2018, thành tiền: 48.400.000 đồng.

Tổng cộng: 2.202.913.750 đồng.

Ngày 29/4/2019, Công ty V và Công ty V1 tiến hành lập Biên bản đối chiếu công nợ với nội dung Công ty V1 còn nợ Công ty V số tiền 1.974.463.111 đồng. Ngày 25/3/2022, Công ty V có Công văn số 22/2022/CV yêu cầu Công ty V1 thanh toán số tiền 1.974.463.111 đồng chậm nhất vào ngày 03/4/2022. Do Công ty V1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty V khởi kiện yêu cầu Công ty V1 phải thanh toán tiền gốc là 1.974.463.111 đồng và lãi chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất cơ bản 09%/năm đến ngày xét xử sơ thẩm theo Hợp đồng mua bán số: 01/HĐ/CIIE&C ngày 14/3/2017 và Phụ lục số 01 ngày 06/6/2018 giữa Công ty V và Công ty V1.

Thi hành một lần ngay khi quyết định có hiệu lực pháp luật.

Đại diện nguyên đơn khẳng định các chứng cứ đã được giao nộp, tiếp cận, công khai trong quá trình giải quyết vụ án. Ngoài những chứng cứ đã thu thập tại hồ sơ, không có chứng cứ nào khác cung cấp cho Tòa án.

Tại phiên tòa,

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty V có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn Công ty V1 và đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ tranh chấp giữa Công ty V và Công ty V1 là tranh chấp trong hoạt động kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận, do đó có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trên là tranh chấp hợp đồng mua bán theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Công ty V khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán đối với bị đơn Công ty V1 có trụ sở tại quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn:

Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập đương sự; thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; giấy triệu tập đương sự tham gia phiên tòa; quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn Công ty V1 vắng mặt. Bị đơn không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập đến để ghi nhận ý kiến, tiến hành thủ tục giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như việc tham gia phiên tòa xét xử giải quyết vụ án với nguyên đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Vì vậy, bị đơn Công ty V1 đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời, tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án.

Căn cứ quy định tại các Điều 196, 207, 208, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền 1.974.463.111 đồng theo Hợp đồng mua bán số: 01/HĐ/CIIE&C ngày 14/3/2017; Phụ lục số 01 ngày 06/6/2018 và Biên bản đối chiếu công nợ ngày 29/4/2019.

Căn cứ vào Hợp đồng mua bán số: 01/HĐ/CIIE&C ngày 14/3/2017; Phụ lục số 01 ngày 06/6/2018 giữa Công ty V và Công ty V1, được lập và có chữ ký xác nhận giữa Công ty V và Công ty V1 đủ cơ sở để xác định các bên có giao kết hợp đồng mua bán. Công ty V xuất Hóa đơn giá trị gia tăng theo hợp đồng mua bán và ghi nhận trong Biên bản đối chiếu công nợ ngày 29/4/2019 nhưng Công ty V1 vẫn chưa thanh toán tiền cho Công ty V. Công ty V1 đã xâm phạm đến quyền và lợi ích của Công ty V nên yêu cầu khởi kiện buộc Công ty V1 trả số tiền 1.974.463.111 đồng, căn cứ Điều 50 Luật thương mại năm 2005 là có cơ sở chấp nhận.

Xét nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán lãi do chậm thanh toán theo lãi suất cơ bản 09%/năm (0,024657534%/ngày) từ ngày 30/4/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm đối với Hợp đồng mua bán số: 01/HĐ/CIIE&C ngày 14/3/2017 và Phụ lục số 01 ngày 06/6/2018 giữa Công ty V và Công ty V1.

Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán lãi do chậm thanh toán theo mức lãi suất cơ bản 09%/năm (0,024657534%/ngày) đối với Hợp đồng mua bán số: 01/HĐ/CIIE&C ngày 14/3/2017 và Phụ lục số 01 ngày 06/6/2018 giữa Công ty V và Công ty V1 tính từ ngày 30/4/2019 cho đến ngày xét xử là:

1.974.463.111 đồng X (từ ngày 30/4/2019 đến ngày 26/9/2022 = 1611 ngày) X 09%/năm (0,024657534%/ngày) = 784.321.662 đồng.

Yêu cầu của nguyên đơn có lợi cho bị đơn và phù hợp với quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về tôn trọng quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự nên có cơ sở chấp nhận.

Công ty V1 có trách nhiệm thanh toán cho Công ty V số tiền tổng cộng là 2.758.784.773 đồng, bao gồm tiền gốc 1.974.463.111 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán theo mức lãi suất cơ bản 784.321.662 đồng.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty V không phải chịu án phí, hoàn lại cho Công ty V là 46.407.000 đồng tiền tạm ứng án phí;

Công ty V1 phải chịu 87.175.695 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 264 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 50 và Điều 306 Luật thương mại năm 2005 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2019);

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2022).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Công ty CP V.

Công ty TNHH V1 (tên cũ Công ty TNHH MTV V2) phải thanh toán cho Công ty CP V số tiền tạm tính từ ngày 30/4/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là 2.758.784.773 (hai tỷ bảy trăm năm mươi tám triệu bảy trăm tám mươi bốn nghìn bảy trăm bảy mươi ba đồng), trong đó tiền gốc là: 1.974.463.111 (một tỷ chín trăm bảy mươi bốn triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn một trăm mười một đồng) và tiền lãi do chậm thanh toán theo mức lãi suất cơ bản là 784.321.662 (bảy trăm tám mươi bốn triệu ba trăm hai mươi mốt nghìn sáu trăm sáu mươi hai đồng) theo Hợp đồng mua bán số: 01/HĐ/CIIE&C ngày 14/3/2017; Phụ lục số 01 ngày 06/6/2018 và Biên bản đối chiếu công nợ ngày 29/4/2019 giữa Công ty CP V và Công ty TNHH V1 (tên cũ Công ty TNHH MTV V2).

Thi hành một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí:

- Công ty TNHH V1 (tên cũ Công ty TNHH MTV V2) phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 87.175.695 (tám mươi bảy triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn sáu trăm chín mươi lăm đồng).

- Công ty Cổ phần V không phải chịu án phí, hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 46.407.000 (bốn mươi sáu triệu bốn trăm linh bảy nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0029588 ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về nghĩa vụ thi hành án

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty CP V (đối với các khoản tiền phải trả cho Công ty CP V) cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH V1 (tên cũ Công ty TNHH MTV V2 E&C) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2022) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 và năm 2022), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2022).

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- CC THADS quận Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thu Quỳnh